



“CON NGƯỜI BẤT HẠNH” TRONG KINH THÁNH CỦA MỘT NGƯỜI (CAO HÀNH KIỆN)

Nguyễn Thị Tịnh Thy*

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: *Kinh thánh của một người* là một trong những “cuốn sách làm lay động thâm tâm con người” của nhà văn Cao Hành Kiện. Vừa là nạn nhân, vừa là chứng nhân của thời kỳ Cách mạng văn hóa Trung Quốc, nhà văn Cao Hành Kiện đã xây dựng nên trong *Kinh thánh của một người* một hệ thống con người bất hạnh mang đặc tính dân tộc và đặc trưng thời đại. Sự thành công của kiểu hình tượng nhân vật này đã góp phần đưa nhà văn đến đỉnh cao vinh quang với giải Nobel văn chương năm 2000. Bài báo trình bày những biểu hiện của con người bất hạnh trong *Kinh thánh của một người* qua các đặc điểm sau: bị chiếm đoạt và hành hạ thân xác, bị tha hóa, cô đơn và lưu vong.

Từ khóa: con người bất hạnh, Cách mạng văn hóa, bi kịch, *Kinh thánh của một người*

1. Mở đầu

Đầu thế kỷ XX, cùng với tên tuổi của đại văn hào Lỗ Tấn, “con người bất hạnh” dường như đã trở thành một kiểu nhân vật, một quan niệm nghệ thuật độc đáo của văn học Trung Quốc hiện đại. Con người bất hạnh của Lỗ Tấn là sự thể hiện một cách tiêu biểu những nhược điểm trong tính cách dân tộc Trung Hoa. Với sự thành công của nhà văn, sự đổi thay của chế độ xã hội, những tưởng kiểu con người bất hạnh đã trở thành quá khứ, thành di sản văn học. Nhưng không, cùng với các phong trào cách mạng Trung Quốc thời hiện đại, từ Thổ cách (cải cách ruộng đất), Đại nhảy vọt cho đến Văn cách (Cách mạng văn hóa) với bao nhiêu thế hệ phải trải qua mất mát đau thương, con người bất hạnh một lần nữa trở lại trong sáng tác của văn chương đương đại với hai dòng tiểu thuyết vết thương và phản tư. *Kinh thánh của một người* của Cao Hành Kiện cũng thuộc hai dòng tiểu thuyết ấy. Vừa là nạn nhân, vừa là chứng nhân của thời cuộc, Cao Hành Kiện đã xây dựng nên trong *Kinh thánh của một người* một hệ thống con người bất hạnh mang đặc tính dân tộc và đặc trưng thời đại. Con người bất hạnh trong tiểu thuyết của Cao Hành Kiện là tiếng nói vì “những con người bấy đàn” đáng thương dường như chỉ có trong “một thời đại đã bị xoá khỏi trí nhớ của con người” [6], đồng thời, sự thành công của kiểu hình tượng nhân vật này đã góp phần đưa nhà văn đến đỉnh cao vinh quang với giải

*Liên hệ: nguyentinhthy@gmail.com

Nhận bài: 18-3-2020; Hoàn thành phân biện: 01-04-2020; Ngày nhận đăng: 06-04-2020

Nobel văn chương năm 2000. Con người bất hạnh trong *Kinh thánh của một người* là “kiểu” con người mang bi kịch bị chiếm đoạt và hành hạ thân xác, bị tha hóa, cô đơn và lưu vong.

2. Bị chiếm đoạt và hành hạ - bi kịch thân xác của những “cuộc đời bị đánh cắp”

Khi viết về con người bất hạnh, nhà văn Lỗ Tấn đã từng biện giải trong tản văn *Vì sao tôi viết tiểu thuyết* như thế này: “Mỗi khi chọn đề tài, tôi thường chọn những con người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích lôi hết bệnh tật của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa” [7, Tr. 541]. Đó là mục đích sáng tác và cũng chính là sự đồng cảm của nhà văn. Ông đã lập “bệnh án” về tinh thần cho người Trung Quốc, giúp họ tỉnh ngộ để tìm cách tự cứu mình, tự cứu dân tộc. Vì vậy, trong tác phẩm của Lỗ Tấn, những nhược điểm tinh thần, căn bệnh tinh thần của người dân Trung Quốc hầu như được liệt kê đầy đủ: nhẫn nhục cam chịu, không dám đấu tranh, “thắng lợi tinh thần”, thừa nhận bất hạnh như một định mệnh mà họ phải gánh chịu. Nhân vật trong *Kinh thánh của một người* của Cao Hành Kiện cũng vậy. Hầu như tất cả họ đều đều bất hạnh. Dù họ là trí thức hay nông dân, là đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ cũng đều chịu chung số phận bất hạnh.

Lấy nhân vật “nhà văn” làm trung tâm, Cao Hành Kiện đã xây dựng nên một hệ thống nhân vật có quan hệ với “nhà văn” để triển khai bức tranh rộng lớn của xã hội Trung Quốc hiện đại. Dù nhà văn có quan hệ thân thiết hay thoáng qua với họ, thì qua câu chuyện của chính cuộc đời anh, những cuộc đời khác đều hiện ra với nhiều mất mát, đau thương.

Bất hạnh đầu tiên phải kể đến là đời sống tình cảm, hạnh phúc riêng tư. Đặc điểm này thể hiện rõ nét trong cuộc đời của các nhân vật nữ. Ở họ, nếu có tình yêu thì lại thiếu tình dục, ngược lại, có tình dục thì lại thiếu tình yêu; đa số họ là nạn nhân của các trò cưỡng hiếp và lợi dụng thân xác. Giống như Jaycee Dugard trong tự truyện *Cuộc đời bị đánh cắp - hồi ức của một nô lệ tình dục* (Nxb... Trẻ, 2014), các thiếu nữ trong *Kinh thánh của một người* hầu như đều là nạn nhân tình dục. Sự yếu mềm, đơn độc trong một xã hội nhiều nhương và thời đại bất ổn đã khiến họ không bảo vệ được chính mình.

Người đầu tiên mở đầu cho một loạt bi kịch thân phận nữ nhi là cô gái đa chủng tộc Magritte, cô cũng là người nghe chuyện trực tiếp đã khơi dòng chảy ký ức của người kể chuyện. Cô đã từng mang những chấn thương sâu sắc. Mười ba tuổi, Magritte bị gã họa sĩ cưỡng hiếp. Suốt hai năm trời, ông ta đã lợi dụng cô, sử dụng cô, làm cho cô kinh hãi, bất an, sợ lộ chuyện ra ngoài. Mẹ cô đang bệnh, nhà rất nghèo, cha bỏ đi, cô bé cần tiền... Vết thương đầu đời đã biến Magritte trở thành một người đàn bà, “một mù dâm đấng”, “một con điếm”, “ai cần thì bán” [2, Tr. 78]. Vết thương trên thân thể trở thành chấn thương tinh thần khiến Magritte dù bao năm qua cố quên nhưng vẫn bị ám ảnh. Đến khi gặp nhà văn, những lời ngán ngùi, sắc lạnh và đau đớn như từng vết dao cắt tuôn ra. “Cô nói, cô cũng cô độc nên mới khát khao tìm

hiếu, hiến dâng, đánh đổi giữa yêu và hưởng thụ, đã cho, đã bán, đã trao, đúng, đã dâm dăng, đã dẽ tiện" [2, Tr. 79]. Tự thuật của Magritte là tự thuật của người "từ đau khổ để tìm thấy niềm vui". Cô vui vì được thổ lộ nỗi đau đớn của riêng mình với người đáng tin cậy, nhưng những mảnh đời rách nát ở Trung Quốc đại lục trong câu chuyện mà nhà văn thổ lộ cũng chẳng kém phần đau đớn hơn cô.

Magritte là cô gái "không có tổ quốc". Cha người Đức, mẹ người Do Thái, Magritte lưu lạc khắp nơi nên những mất mát của cô có thể hình dung là do sự bất ổn của xã hội phương Tây thời hiện đại. Nhưng, trong lòng Trung Hoa đại lục, nơi tự hào là tổ quốc và cách mạng sẽ đem lại bình đẳng và hạnh phúc cho con người, lại là nơi chà đạp con người đến tận cùng, gây nên bao thảm kịch thương tâm của nhiều "thế hệ mất mát". "Người tình bé nhỏ mà khả ái" [2, Tr. 25] của nhà văn - cô sinh viên học viện quân y tuân thủ kỷ luật quân đội, gìn vàng giữ ngọc với người yêu của mình, nhưng hóa ra ngay cả kỷ luật quân đội cũng là điều giả dối. Cô nhận ra sự thật đó sau khi bị thủ trưởng cưỡng hiếp trong một chuyến công tác xa nhà. Cô bừng tỉnh trong nỗi tiếc nuối "nhị đào thà bẻ cho người tình chung". Tiêu Tiêu là nữ sinh trung học, phải về nông thôn lao động, "nông thôn chẳng quan tâm đến chuyện trung học hay đại học, miễn là nữ là có thể xài tất!" [2, Tr. 288]. Gặp lại nhà văn, cô chán ngán: "Giờ đây em cũng như chiếc giày rách, hai lần phá thai... chỉ tại phận em bạc, chỉ tại số em hèn, không có ai che chở, ô dù, bảo hộ" [2, Tr. 288]. Chia tay anh, Tiêu Tiêu thở dài: "buồn lắm anh ơi".

Tôn Huệ Dung xinh đẹp và hiền lành lại rơi vào tay của lão Triệu bí thư chi bộ. Mẹ cô bé phải dẫn đi phá thai. Qua nhiều lần lấy khẩu cung, từ nạn nhân bị cưỡng hiếp cô trở thành kẻ có tội quyến rũ cán bộ. "Phần khẩu cung của Tôn Huệ Dung dày cộm cả tập giấy, hỏi rất tỉ mỉ... rất chi tiết đến không thể nào chi tiết hơn nữa, giống như đang bị cưỡng hiếp lần thứ hai. Bản án kết luận: Nữ thanh niên trí thức mang tư tưởng giai cấp tư sản, không an tâm lao động ở nông thôn, lại còn hủ hóa bậy bạ..." [2, Tr. 278]. Cô gái bị đuổi khỏi đội sản xuất, điều đi nơi khác để tăng cường cải tạo; kẻ thủ ác vẫn bình yên vô sự, "bào lưu chức vụ" để xem xét. Một đồng nghiệp trẻ của Hứa Sảnh được phân công về vùng núi Tấn Bắc làm giáo viên tiểu học, một tuần sau thì chết luôn trong khe núi, chẳng rõ nguyên nhân vì sao...

Nếu như các thiếu nữ trong *Kinh thánh của một người* bất hạnh vì bị cưỡng đoạt thân xác, vì thiếu tình yêu thì các nhân vật khác đều bất hạnh vì thiếu tình người. Đặc biệt, trong các cuộc cách mạng thời hiện đại, tình người, nhân văn, nhân đạo dường như là một khái niệm không tồn tại. Con người trở thành nạn nhân của thời cuộc và số phận của mỗi người đều là những tấn bi kịch thương tâm.

Từ một gia tộc thịnh vượng, gia đình nhà văn bị tước đoạt tất cả. Nhà anh bị lục soát niêm phong. Chức chủ nhiệm ngân hàng của cha anh nhanh chóng mất theo, gia đình đi vào ngõ cụt. Cha mẹ anh phải về nông thôn "rèn luyện lao động". Mẹ anh qua đời khi tuổi còn quá trẻ, mới ba tám tuổi. Bà bị đắm sông ở nông trường lao động cải tạo, "người chăn vịt phát hiện

thấy thi thể của bà đã trương phình nổi trên mặt nước” [2, Tr. 14]. Vừa từ nông thôn lao động cải tạo trở về, chưa kịp an dật tuổi già, cha anh đã bị thổ huyết và chết. Những người còn lại của đại gia đình ông nội anh “không chết bệnh thì cũng đắm sông, tự sát, phát điên hoặc theo chồng đi lao động cải tạo mà lần lượt tuyệt đường hương hỏa” [2, Tr. 12]. Đó là một gia tộc suy tàn, anh nghĩ vậy. Nhưng nếu không có cuộc xây dựng công xã nông thôn, nông trường lao động cải tạo, thì chắc chắn gia tộc anh không thể kết thúc buồn như thế.

Anh chàng Đại Đầu giành giải quán quân kì thi toán toàn thành phố, vì công bố một bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế xuất bản bằng tiếng Anh mà “lập tức bị cách luôn cái mạng văn hóa, tổng về nông thôn tám năm đi chăn bò” [2, Tr. 117]. Triệu Bảo Trung bị phê đấu, “tội nghiệp như một con lợn sống đưa lên bàn chọc tiết, không còn sức mà rên la hay hô khẩu hiệu... mặt lão tím ngắt, nước mắt nước mũi chảy đầm đìa” [2, Tr. 215]. Một tử thi nhày lầy được đắp chiếu trước sân cơ quan, người đó chết vì không chịu được phê đấu... Hầu như tất cả đều bị hành hạ thân xác một cách dã man; đều sống trong sợ hãi, sống đau thương và chết cũng đau thương, đúng như nhân vật Hứa Sánh từng viết: “Thế hệ hi sinh chúng ta, chẳng còn số phận nào khác...” [2, Tr. 219].

Cách mạng văn hóa đã biến một nhà văn già từ tế, khỏe mạnh thành con người tàn phế. Sau mười năm lao động trong tù ngục, người ông người gầy guộc chỉ còn da bọc xương, cụt một chân, ngồi trên xe lăn. “Lão tác gia cười như khóc, lộ mấy chiếc răng còn sót lại bơ vơ, lão chẳng hề nói một câu rằng mười năm trong ngục thất đã sống ra sao. Cho tới lúc lâm chung trong bệnh viện mới thổ lộ lời chân thực, một nỗi tiếc nuối vô cùng, biết thế này thì khi ấy đã không... và lão ra đi” [2, Tr. 69]. Ông lão thổ lộ những gì? Cao Hành Kiện chỉ để lời ông lão trong dấu ba chấm. Ông lão vốn là một đảng viên đã từng kinh qua “chinh phong Diên An” mà vẫn vẹn toàn. Nhưng trong Cách mạng văn hóa, ông không thoát được đòn thanh trừng của các đồng chí mình. Ông khiến người đọc nhớ đến Ba Kim, Lão Xá, Phó Lôi và nhiều nhà văn Trung Quốc khác bị thiêu cháy trong chảo lửa lịch sử của Trung Quốc thập niên 60 - 70 của thế kỷ XX.

Các cuộc cách mạng đã khiến bao thân phận con người rơi vào bi kịch bị cưỡng đoạt và hành hạ. Đồng thời, những kẻ hành hạ người khác cũng rơi vào bi kịch tha hóa. Bởi vì, khi chiếm được thế thượng phong, hồ hởi lao vào các phong trào cách mạng đẫm máu, họ đã đánh mất nhân tính, nhân tâm, trở nên tha hóa đến tận cùng. Đó chính là một biểu hiện khác của con người bất hạnh.

3. Tha hóa - bi kịch tinh thần của con người mang mặt nạ

Cách mạng văn hóa đã biến mỗi “chiến sĩ” của mình thành một kẻ tha hóa: tha hóa vì tham quyền lực, tham báo thù. Hội chứng cuồng điên tập thể xảy ra khi người dân tham gia vào sự nghiệp “cách cái mạng” của kẻ khác. Họ vừa là chủ nhân, vừa là nạn nhân của lịch sử.

Họ tự biến mình thành kẻ khác, thâm hiểm hơn, hung bạo hơn, tàn ác hơn, đốn hèn hơn đứng khi vào hàng ngũ Hồng vệ binh hoặc phe tạo phản cách mạng.

Cơ quan của nhà văn trở thành một chiến trường đấu đá và đấu tố. Mọi người đều cảnh giác, đề phòng lẫn nhau. Chỉ một hành động nhỏ, hoặc một câu nói dễ bị xuyên tạc là có thể bị lôi ra đấu tố, bị chụp mũ là phần tử phái hữu, phải đi lao động cải tạo, lí lịch bị ghi vào sổ đen. Bọn Đại Niên đập vỡ xương, đánh gãy chân anh thủ quỹ phòng tài vụ vì lí do là xuất thân gia đình tư sản, những cán bộ ra mặt ủng hộ cũng bị bọn chúng uy hiếp. Lão Lưu từng bị người của Đại Niên bức cung tại tầng hầm tòa lầu cơ quan, dùng roi điện đánh đập nội tạng, chết tươi rồi lôi lên lầu trên đẩy thi thể lão xuống nhằm nguy tạo nên hiện trường tự sát. Nguyên chánh văn phòng cơ quan Vương Kỳ bị Đại Niên cho người đến phá nhà, bởi vì chồng bà “vốn là nhà lí luận của Đảng, nay bị bỏ rơi, bị liệt vào hàng ngũ phần tử đen, phản đảng”. Bọn họ tổ chức đấu tố Vương Kỳ ngay tại văn phòng cơ quan. “Tòa nhà văn phòng giờ đây trở thành bãi chiến trường, các tấm kính trên bàn làm việc đều bị đập nát tan tành... Đại Niên ra lệnh cho đàn em không hề che giấu lòng hận thù của phe hồng vệ binh huyết thống”, quyết sống mái với phe tạo phản. Nhà văn bất đắc dĩ trở thành thủ lĩnh phe tạo phản, anh nhảy vào trấn áp: “Đại Niên, hãy nghe đây,... thằng nào dám động tay thì đêm nay sẽ cho nó và bè lũ xóa sổ, có tin không?” [2, Tr. 196]. Anh không thể không hù dọa, mắt trợn ngược và nhìn chòng chọc vào đối phương, làm cho chúng hiểu rằng tao là thằng cảm tử, việc gì cũng có thể làm, đã man như một tên thổ phi. Sau đó, chính nhân vật nhà văn chua chát nhận ra rằng: “Con người khi hùng hổ như loài thú đều hoàn nguyên về bản năng nguyên thủy, bất kể là gì, chó hay sói cũng phải nhe răng tát” [2, Tr. 196]. Và như thế, anh biết, cũng như các đồng minh lẫn kẻ thù của mình, anh đang tha hóa.

Nhà văn bị cuốn vào con lốc báo thù cách mạng. Anh tham gia tạo phản với mục đích “lật án minh oan cho những người bị đấu tố, và đấu tố hạ bệ những kẻ vừa mới hành hạ quần chúng nhân dân” [2, Tr. 178]. Đồng thời, lấy tấn công để tự vệ, anh phải thuộc về một phe phái nào đấy để có thể được yên thân. Như cười trên lưng hổ, anh làm người đứng đầu tổ chức tạo phản. Nhà văn hằng hái đi điều tra, thẩm tra người khác, nhưng càng dấn thân vào công việc này, anh càng nhận ra sự khốn khổ của các nạn nhân và sự bi ối của chính mình. Cuối cùng, anh rút lui bằng cách xin về nông thôn lao động.

Hồng vệ binh đánh phái hữu, Hồng vệ binh đánh Hồng vệ binh. Phe tạo phản lật đổ Hồng vệ binh, rồi chính phe tạo phản lại phản bội nhau. Cũng chừng ấy con người mà trở nên tráo trở và hung ác đến khó lường!

Tâm lý “hạnh tai lạc họa” (vui mừng trước sự đau khổ của người khác) có dịp được thổi bùng lên trong những lần đấu tố. Trước một lão già đang run rẩy bị đấu tố vì có hành vi phản đảng, cả nhóm thanh niên trong cơ quan “cười khì, nói chuyện lao xao, vui vẻ lạ thường giống như cả làng chài bắt được con cá lớn, còn ông lão thì mặt mày trắng dã,... Cả bọn cười vang khi

lão già đi khuất [2, Tr. 178]. Đọc những dòng này khiến ta liên tưởng đến cảnh người dân Trung Quốc nô nức chen nhau đi xem phạm nhân bị hành hình trên pháp trường trong *Thuốc*, *Thị chúng* của Lỗ Tấn và *Đàn hương hình* của Mạc Ngôn. “Hạnh tai lạc họa” là “tính ác” mang màu sắc Trung Quốc rất rõ, rất tàn nhẫn khiến các nhà văn phải cảnh tỉnh người dân qua tác phẩm của mình. Bao thế kỷ đã trôi qua, vật đổi sao dời, thể chế chính trị thay đổi, vậy mà “bản tính nan di”, tính cách dân tộc hầu như vẫn vậy, đặc biệt là “tính ác” vẫn không từ bỏ người Trung Quốc. Mỗi khi thời cuộc nhiễu nhương, “quốc tính” đó lại có dịp bùng phát, con người càng tha hóa. Tha hóa không chỉ là đơn lẻ, cá nhân, mà trở thành tha hóa tập thể. Đó là nỗi đau dân tộc khiến những người có lương tri phải biết hổ thẹn mỗi khi nhìn lại.

Tha hóa nghĩa là biến thành kẻ khác, là đánh mất chính mình. Trong *Kinh thánh của một người*, sự đánh mất đó diễn ra theo nhiều chiều hướng khác nhau, thể hiện sự phức tạp của hiện thực và con người. Nếu chiến sĩ Hồng vệ binh cùng những kẻ tạo phản tha hóa bằng những hành động báo thù và trừng phạt, thì những quần chúng cách mạng lại tha hóa bằng việc cúi đầu nghe theo lãnh đạo. Họ đều là “con giun, con dế” [2, Tr. 210], họ đều là thành viên của con cuống say tập thể, thay đổi mình, hạ thấp mình, trở thành “lũ người hai mặt” [2, Tr. 54] để được yên thân.

Hôm thủ trưởng về phát động Cách mạng văn hóa, hội trường của cơ quan hơn ngàn chỗ ngồi đều kín mít. Chủ tịch hùng hồn:

“- Tôi ủng hộ các đồng chí nã pháo, khai hỏa vào bọn đen chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội, chống Mao chủ tịch!”

“Cả hội trường cùng một lúc bật lên, hô khẩu hiệu,... anh chưa kịp chuẩn bị, nhưng vẫn giơ tay một cách vô ý thức” [2, Tr. 53] [...]

Đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải anh đã có nhiều người cảm kích đứng dậy giơ tay và hò hét:

- Đả đảo tất cả bọn đầu trâu mặt ngựa!

- Mao Chủ Tịch muôn năm!

- Muôn năm!

- Muôn muôn năm!

Tiếng hô khẩu hiệu lúc này đã đều hơn, hết đợt này đến đợt khác, nối đuôi nhau như sóng cuộn, cả hội trường trở thành biển sóng, không đầu không đuôi, không sức nào hay vật gì cản nổi... Anh không thể không hô theo mọi người, anh không thể không hét thật to cho rõ lời rõ tiếng, càng không thể không mờ mồm nhanh nhất.

- ... Ai, ai dám vỗ ngực chống Đảng Cộng sản, chống tư tưởng Mao Trạch Đông, chống chủ nghĩa xã hội, tôi xin mời lên đây, mời, mời...

Cả hội trường im thin thít, như ngưng thở, như chết cứng, một cái kim roi xuống, chắc chắn là có thể nghe thấy!" [2, Tr. 53-54].

Đọc đoạn trích trên, hãy chú ý đến hành động của "anh" - người kể chuyện. Anh "không thể không" hành động như đám đông. Từ một "anh", hàng ngàn "anh" cũng như thế. Đám đông trở thành đám công cụ, không có và không dám có tiếng nói riêng. Họ chỉ hô hào chung trong cơn sợ hãi chung.

Thủ trưởng ra về, và sau đó cả hội trường cũng im lặng, tuân tụt rút lui, "không ai dám nhìn ai, sợ ánh mắt của mình sẽ lộ rõ nỗi khủng khiếp trong lòng". Mọi người trở về phòng làm việc, nhìn nhau, cúi đầu, kiểm thảo, sám hối, không nói gì khác, "chỉ tự phê bình với Đảng, khóc lóc sụt sùi. Lạ thật, con người sao mềm yếu vậy, còn rã rời hơn cả bột mì, nhưng để tỏ lòng thanh sạch, cần tố cáo kẻ khác thì chao ôi hung ác vô cùng" [2, Tr. 54].

Không ai có chính kiến của riêng mình. Tất cả là một, nhu nhược, hèn mạt và ngu muội như nhau. Họ không khác mấy so với những người dân Trung Quốc thời cận đại trong tác phẩm của Lỗ Tấn.

Hết kiểm thảo thì chuyển qua đấu đá và đấu tố. "Anh ngán ngấm vô cùng với cuộc đấu đá triền miên ở tòa lầu cơ quan; nay tổ chức này mai tổ chức nọ, chẳng rõ ai là ai" [2, Tr. 168]. Đến khi được chuyển về trường Cán hiệu 5.7 - một trường cải tạo trí thức, thì con người càng không được một chút riêng tư, không được sống cuộc sống của mình. Sáu giờ sáng loa đã phóng oang oang, những học viên phải vùng dậy tranh nhau vòi nước đánh răng trong vòng hai mươi phút và tới gặp lãnh tụ vĩ đại treo trên bức vách làm lễ "xin chi thị buổi sáng". Sau đó cất cao bài ca "ngữ lục", tay cầm sách đỏ hô ba lần "vạn tuế, vạn vạn tuế". Tiếp đến vào tranh thủ húp cháo loãng và tụng niệm *Mao tuyển* trong khoảng nửa tiếng đồng hồ rồi vác cuốc xẻng ra đồng canh tác. Cuộc sống cứ thế diễn ra ở đây, không hề có gì thay đổi. Cách giải thích và biện minh của nhân vật nhà văn cho sự tha hóa này thật chua xót: "Trong bầu trời muôn ngàn rủi ro chính trị, muốn bảo vệ lời nói của mình, chỉ còn cách trà trộn với mọi điều dung tục, nói tiếng nói của quần chúng, mang bộ mặt của đa số... Cổ nhân dạy "thuận giả thuận tồn, nghịch giả nghịch vong", nghe thì sống, chống là chết" [2, Tr. 57]. Mang bộ mặt của đa số nghĩa là mang mặt nạ - mặt nạ trên mặt, mặt nạ trong lời nói, trong cử chỉ và cả trong lòng. Nghĩa là con người đã bị giết chết cái tôi cá nhân. "Không còn nghi ngờ gì nữa, anh đúng là một thằng hề", "đến như một bãi cứt chó cũng chẳng đáng". Trong hai thứ "thằng hề" và "cứt chó", anh phải chọn một, và anh đã chọn làm thằng hề - một thằng hề như bao thằng hề khác - đã bán linh hồn cho quỷ dữ để yên thân [2, Tr. 208]. Từ lời lẽ và cách chọn lựa trên, ngẫm lại, ta càng thấy kính phục hành động tự trầm và câu nói bất hủ của Khuất Nguyên thời Chiến Quốc trong *Ngư phủ*: "Tất cả đều đục, chỉ một mình ta trong. Cả cuộc đời này đều say, chỉ một mình ta tỉnh. Ta thả gieo mình xuống sông Tương, chôn mình trong bụng cá, còn hơn là để bản chất trắng ngần của

ta chịu bụi bặm ở đời”. Nhưng tìm đâu ra Khuất Nguyên giữa thời buổi động loạn và tàn khốc hơn cả thời Xuân Thu - Chiến Quốc?

Trốn chạy cái ác, trốn chạy sự tha hóa, con người càng bị bế tắc, họ rơi vào cô đơn và phải sống lưu vong. Vì vậy, cô đơn và lưu vong cũng là một biểu hiện nhức nhối khác của con người bất hạnh.

4. Cô đơn và lưu vong - bi kịch mất nơi chốn

Con người bất hạnh trong *Kinh thánh của một người* cô đơn giữa những người thân quen, vì không còn ai đáng tin; cô đơn ngay trong ngôi nhà của mình, vì không có tình yêu. Khi có tình yêu, thì lại luôn bị những người bên ngoài khung cửa nhòm ngó. Ăn uống, hít thở, khóc cười, yêu đương đều không thể tự do. Nhà văn ao ước rằng, anh cần một cái ổ, một chỗ nương thân, một ngôi nhà có thể trốn tránh được người ngoài; anh cần một căn phòng cách âm, đóng cửa lại, dẫu hét thật to cũng không bị ai nghe thấy; anh cần một khoảng đất trời của cá nhân để lên tiếng và giải bày tư tưởng; “anh cần sống, cần cảm thụ, kể cả làm tình với đàn bà một cách thỏa thuê, rên rỉ thều thào và cuồng say la hét” [2, Tr. 27]. Nhưng hơn hết thảy, anh cần người hiểu mình, có thể chia sẻ với mình và để mình chia sẻ những hạnh phúc lẫn khổ đau trong cuộc sống lắm nhiễu nhương này. Vậy mà, gia đình anh tan tác sau bao cuộc cách mạng dưới thời Mao Trạch Đông. Mười ba người trong gia đình ông bà nội gồm cha mẹ và cô chú đều đã bị xóa hết dấu vết trên thế gian này. Bạn bè tứ tán và chẳng ai yên ổn được. Những người phụ nữ đi qua đời anh đều không phải là tri kỷ. Vợ, người tình, tất cả đều có thể trở thành người tố giác.

Hơn mười năm hôn nhân, nhân vật nhà văn của Cao Hành Kiện nhận ra rằng anh không yêu vợ. Anh và cô cố ngụy tạo một hạnh phúc không chân thực. “Ngay những khi làm tình với nhau, chẳng bao giờ từ tình dục biến thành tình yêu, phóng xả một cách bản năng xong là ngập tràn nỗi chán chường khó tả” [2, Tr. 248]. Trong Cách mạng văn hóa, anh nhận được cô như anh cu Tràng nhận được vợ trong truyện của Kim Lân. Cô tưởng có thể nương tựa được ở anh, nhưng anh còn chưa lo nổi cho sinh mệnh chính trị của mình. Vậy là rạn nứt, là đồng sàng dị mộng. Trong tuyệt vọng, anh chỉ còn cách mượn giấy bút để tâm sự với mình nhằm vợi bớt nỗi cô đơn đang đè nặng. Nhưng trước khi cầm bút anh phải xem xét cẩn thận, mua những tờ giấy thật mỏng, viết xong vo tròn nén vào cán chổi làm bằng cây trúc đã được thông các mắt bên trong. Khi đây, những viên bản thảo ấy được anh lấy ra cất kỹ dưới vại dưa. Vợ anh phát hiện, cô ta đã đọc hết, và dọa sẽ tố cáo anh. Cô coi anh “là kẻ thù”, cho rằng “anh đã tống táng, chôn vùi” cuộc đời cô. Vợ anh nhất nhất đòi chia tay vì không thể sống với một người suốt ngày viết lách, mà lại mang lý lịch có liên quan đến tư sản và tạo phản. Để phòng thân, anh phải đốt sạch những gì mình từng viết. “Anh khóa trái cửa rèm, kéo rèm nhìn ra ngoài sân, đèn lảng giềng đều tắt cả, đoạn cẩn thận nhóm lò đốt chôn bản thảo, sổ tay và các cuốn nhật ký, gom góp từ ngày học đại học đến nay cũng mấy chục tập. Bụng lò nhỏ, phải xé từng tờ mà đốt, đợi cho ngả màu tro trắng mới xúc đổ vào thùng nước, quấy thành bùn, không để bay ra ngoài một chút tàn

nào hết” [2, Tr. 67]. Anh chua chát và chán nản tự hứa rằng từ nay sẽ không viết ra những suy nghĩ của mình nữa, “để cho chúng tan rữa trong mùi hôi của thế sự” [2, Tr. 249].

“Đối với đàn bà con gái, lòng anh nặng nỗi nghi ngờ, cảnh giác, nhất là những thiếu nữ trẻ thơ, kiều diễm và ái mộ anh tới mức cuồng si. Đã nhiều lần anh bị bán đứng và buộc tội bởi cái mệnh đào hoa” [2, Tr. 27]. Hồi ở trường đại học, anh yêu một cô bạn cùng lớp có khuôn mặt khả ái và giọng nói đến ngọt ngào. Nhưng cô ta lại mưu cầu tiến bộ, thường xuyên báo cáo những suy nghĩ và tư tưởng của mình cho bí thư chi bộ, nhân thể báo cáo những lời bực dọc của anh đối với đoàn thanh niên. Chi đoàn thanh niên kết luận tư tưởng của anh tầm tối. “Ôi, cái thời cách mạng, các cô gái cũng từng cách mạng đến điên cuồng, dễ sợ” [2, Tr. 28].

Không chỉ riêng nhà văn mà hầu như tất cả các nhân vật của *Kinh thánh của một người* đều rất cô đơn. Lâm là con cán bộ cấp cao, lấy hai đời chồng sĩ quan và thứ trưởng, ngoại tình với nhà văn. Cô có tất cả, có địa vị, tài sản, nhưng không có tình yêu. Cô y sĩ quân y, Tiêu Tiêu, Tôn Huệ Dung, lão Lục... đều lẻ loi giữa thời đại cạn kiệt lòng tin đối với con người.

Cô đơn trong *Kinh thánh của một người* còn là bi kịch “mất nơi chốn”, bi kịch lưu vong. Người ta không còn quê hương, không còn tổ quốc, phải cắt đứt với gốc gác và nguồn cội để tìm đường sống cho mình. Nhà văn quyết trốn chạy khỏi mảnh đất chứa nhiều kỷ niệm buồn đau trong quá khứ và đây vô vọng trong tương lai. Anh sang Pháp định cư. “Trước đó anh chưa hề nghĩ tới, rằng anh sẽ rời xa đất nước này, mãi đến lúc máy bay chạy lấy đà trên đường băng rồi “vút” một cái cất cánh lên không trung, anh bỗng nhiên ý thức là có lẽ phải hủy chuyến trở về với tổ quốc dưới kia, một vùng hoàng thổ nơi anh đã sinh ra, lớn lên, đi học, thành người và chịu nạn. Một câu hỏi cũng bất ngờ trở dậy: Ta còn tổ quốc hay không?” [2, Tr. 32]. Anh còn tổ quốc hay không? Sau những tháng ngày thành danh nơi đất khách, vinh quang, hào quang, danh tiếng và tiền bạc đều có cả, nhưng trong giấc ngủ của anh vẫn có những cơn ác mộng về đấu tố, khảo tra, đánh đập và chết chóc của Cách mạng văn hóa. Nghĩ về tổ quốc, anh không tìm thấy tự do, đây là tự do trong giấc mộng, trong tưởng tượng. Từ trong những giấc mơ đánh thức nỗi đau quá khứ, anh đã tìm ra câu trả lời mình còn tổ quốc hay không.

Ở hải ngoại, gặp người quen cũ, ai cũng hỏi “anh không nhớ Trung Quốc à?”. “Dạ thưa phụ mẫu song thân đều quy tiên mà nỗi hương sâu thì cũng mai táng từ lâu, anh xa nơi ấy hơn mười mấy năm nay, không muốn quay về dĩ vãng, xem như đã một lần bị cắt chia”. “Giờ đây anh như một cánh chim, tự do trong cõi lòng, không vương vấn, nhẹ nhàng tựa gió tựa mây. Cái quyền tự do đó không phải do trời ban, ngược lại phải trả giá, quý báu lắm và chỉ mỗi mình anh mới tổ” [2, Tr. 40-41]. Nếu anh trả lời là anh nhớ quê hương, nếu anh trả lời là luôn muốn quay về dù chỉ để thăm lại chốn xưa thì quê hương, tổ quốc vẫn còn trong lòng anh. Đàng này, anh đã đoạn tuyệt, đoạn tình. Bi kịch càng nhân lên gấp bội bởi vì anh không còn ai, không còn nơi nào để nhớ, nghĩa là không còn ước mơ, không nơi chốn trở về. Sống không ước mơ, không chờ đợi nghĩa là lòng đã lạnh băng. Bi kịch lưu vong song hành với bi kịch mất nơi chốn, mà ký

ức buồn đau thì luôn đầy trong tâm trí khiến con người cô đơn càng trở nên đáng thương hơn, bất hạnh hơn.

“Nơi chốn” và “ý thức nơi chốn” trở thành một motif trở về, tìm về của văn chương thế giới từ thời của *Iliad* và *Odyssey*. “Nơi chốn” – nhỏ là ngôi nhà, lớn là quê hương, Trái đất, vũ trụ; nhưng cụ thể là bất cứ không gian nào cũng có thể là nơi trở về trên ý nghĩa tinh thần và tâm lý của nhân loại. Vì vậy mà chàng Ulysses suốt hai mươi năm chinh chiến và lưu lạc luôn khao khát được trở về quê hương Ithaca, ngày ngày ra ngồi ngoài bờ biển, nước mắt chan hòa, luôn tha thiết muốn nhìn thấy dù chỉ là một làn khói bốc lên từ đất quê hương. Hoài hương, tư cố hương trong văn chương từ Đông sang Tây, từ *Thái vi (Kinh thi)* cho đến *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu luôn khiến những kẻ lữ khách tha hương rơi lệ. Vậy mà nhân vật của *Kinh Thánh của một người* dửng dưng với quê hương. Bởi vì, anh không phải là người xa quê đơn thuần, mà là người chạy trốn quê hương, chạy trốn tổ quốc. Anh chạy trốn với niềm kinh hãi. Với anh bây giờ, hạnh phúc là được sống tự do bên ngoài tổ quốc. Hạnh phúc trớ trêu ấy trong đời mỗi con người chẳng phải là quá bi kịch hay sao?

5. Kết luận

Nhận xét về văn chương *Kinh thánh của một người* của Cao Hành Kiện, viện Hàn Lâm Thụy Điển cho rằng, nhà văn đã lần lượt kể lại kinh nghiệm bản thân trong tư thế một tác nhân chính trị, nạn nhân thời cuộc và chúng nhân ngoại cảnh. Đúng vậy, bằng hồi ức chất chứa bao buồn đau của hiện thực, “không nhận cứu rỗi bất cứ một ai”, Cao Hành Kiện đã phơi bày trong *Kinh thánh của một người* những chân dung trần trụi của con người bất hạnh. Nếu trong tác phẩm của Lỗ Tấn, con người bất hạnh do lễ giáo phong kiến ngàn năm, thì trong *Kinh thánh của một người* của Cao Hành Kiện, con người bất hạnh do sự áp chế chính trị của thời Mao Trạch Đông. Suy cho cùng, con người bất hạnh chính là bi kịch thân phận - bi kịch làm người. Một thế kỷ qua, nỗi bất hạnh vẫn chưa buông tha thân phận người dân Trung Quốc. Con người bất hạnh, vì thế, vẫn còn là cảm hứng sáng tác và là mối bận tâm của nhà văn. Đồng thời, đó cũng là yếu tố nghệ thuật khiến *Kinh thánh của một người* trở thành “cuốn sách làm lay động tâm tâm con người”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amos Goldberg (2010), *Chấn thương, tự sự và hai hình thức của cái chết* (Hải Ngọc dịch), 12/03/2020, <http://lythuyetvanhoc.wordpress.com>.
2. Cao Hành Kiện (2006), *Kinh thánh của một người* (Thái Nguyễn Bạch Liên dịch), trong *Cao Hành Kiện - Tuyển tập tác phẩm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Cao Hành Kiện (2006), *Kỹ thuật hiện đại và tính dân tộc* (Ngân Xuyên dịch), trong *Cao Hành Kiện - Tuyển tập tác phẩm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, Tr. 674-678.

4. Cao Hành Kiệt (2006), *Lý do của văn học* (Nguyễn Tiến Văn dịch), trong *Cao Hành Kiệt - Tuyển tập tác phẩm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, Tr. 650-665.
5. Ngô Thị Kim Cúc (thực hiện) (2005), *Cao Hành Kiệt: Văn học là tiếng nói cá nhân* (Phòng văn nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên), 12/03/2020, <https://thanhnien.vn>.
6. Mabel Lee (2015), *Cao Hành Kiệt: Chống lại tính hiện đại mỹ học* (Phạm Xuân Thạch dịch), 14/03/2010, <http://khoavanhoc.edu.vn>.
7. Lỗ Tấn (1998), *Tạp văn* (Trương Chính giới thiệu và tuyển dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Lỗ Tấn (2000), *Truyện ngắn* (Trương Chính dịch), Nxb. Văn học, Hà Nội.
9. Trần Đình Sử (chủ biên) (2004), *Tự sự học – Một số vấn đề lí luận và lịch sử* (phần 1), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Trần Đình Sử (chủ biên) (2008), *Tự sự học – Một số vấn đề lí luận và lịch sử* (phần 2), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Nguyễn Thành Thi (2011), *Tiếng nói của “cái tôi bị chấn thương” và tính khả dụng của yếu tố nhật kí, trình thám trong tiểu thuyết (nhân đọc Những ngã tư và những cột đèn – Trần Dần)*, 12/03/2020, <http://hcmup.edu.vn>.
12. Van der Kolk, B. A., Weisaeth, L., & van der Hart, O. “History of trauma in psychiatry”. In B. A. van der Kolk, A. McFarlane, & L. Weisaeth (Eds.), *Traumatic stress: The effects of overwhelming experience on mind, body and society* (pp. 47–76). New York: Guilford, 1996, Tr. 50.
13. Viện Hàn lâm Thụy Điển (2006), *Thông cáo của Viện Hàn lâm Thụy Điển ngày 12-10-2000* (Đặng Tiến dịch), trong *Cao Hành Kiệt - Tuyển tập tác phẩm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, Tr. 647-649.
14. 高行健 (2012), *人称一个人的圣经*, 12/03/2020, <https://www.kanunu8.com/book3/7146/index.html>. (Cao Hành Kiệt, *Ngôi kể trong Kinh thánh của một người*)
15. 李娜 (2014), *高行健长篇小说的艺术形式研究*, 硕士学位论文, 广西师范学院. (Lý Na, Nghiên cứu hình thức nghệ thuật tiểu thuyết Cao Hành Kiệt, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Sư phạm Quảng Tây).

UNFORTUNATE PEOPLE IN ONE MAN'S BIBLE (GAO XINGJIAN)

Nguyen Thi Tinh Thy*

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam

Abstract: *One Man's Bible* is one of “stir people's hearts” books written by Gao Xingjian. As both a victim and a witness of the Chinese Cultural Revolution period, Gao Xingjian built a system of miserable lives, carrying the national attributes and the characteristics of the era, in his work *One Man's Bible*. The success

of this type of character image brought him to a glorious peak with a Nobel Prize in Literature in 2000. This article presents the manifestations of unfortunate people in *One Man's Bible*: getting physically appropriated and tortured, being alienated, lonely, and exiled.

Keywords: unfortunate people , Cultural Revolution, tragedy, *One Man's Bible*